

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12-5-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Đăng Trình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Lầy
2. Ông Nguyễn Công Biên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phùng Thế Thành-Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1991; ĐKKH: T 14, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T, sinh năm 1985; ĐKKH: T 14, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn xin ly hôn, Bản tự khai ngày 17/3/2022, nguyên đơn là chị Đỗ Thị T (chị T) trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Năm 2010 tôi và anh Bùi Văn T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng ngày 01/10/2010. Sau khi kết hôn cuộc sống của chúng tôi luôn xảy ra mâu thuẫn, xung đột, bất đồng quan điểm sống và lối sống, sự việc đó bắt đầu từ năm 2020. Chúng tôi cũng đã cố gắng khắc phục và hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều nhưng không có kết quả, sau những lần hoà giải không những không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng căng thẳng hơn. Nay xét thấy chúng tôi sống chung cũng không còn hạnh phúc nên đề nghị Tòa án nhân dân quận K giải quyết cho tôi được ly hôn anh Bùi Văn T. Về con chung: Tôi và anh Bùi Văn T có 02 con chung là Bùi Cẩm T, sinh ngày

01/01/2011 và Bùi Tú A, sinh ngày 01/3/2016. Ly hôn tôi đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, vì hiện nay tôi đang làm Điều dưỡng tại Bệnh viện đa khoa Ngô Quyền, Hải Phòng lương tháng hơn 7.000.000 đồng/tháng đủ để chăm sóc cho hai cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con chúng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và Biên bản hoà giải ngày 17/3/2022 anh Bùi Văn T (anh T) trình bày: Năm 2010 tôi và chị Đỗ Thị T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng ngày 01/10/2010. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc bình thường, có đôi lúc trong cuộc sống do không hợp nhau nên vợ chồng có xảy ra cãi vã, to tiếng nhưng không đến mức phải ly hôn, khi mâu thuẫn xảy ra thì chúng tôi cũng đã được gia đình hai bên nhiều lần khuyên giải nhưng vợ tôi là chị T vẫn cương quyết đề nghị ly hôn đối với tôi. Bản thân tôi vẫn còn yêu thương vợ con, không muốn phải ly hôn, tuy nhiên trường hợp chị T vẫn cương quyết muốn ly hôn, thì tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo đề nghị của chị T. Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Bùi Cẩm T, sinh ngày 01/01/2011 và Bùi Tú A, sinh ngày 01/3/2016. Ly hôn tôi không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề con chung. Về tài sản chung: Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại các Đơn đề nghị của gia đình chị T và anh T thể hiện việc mâu thuẫn của anh chị diễn ra thường xuyên, gia đình cũng đã nhiều lần khuyên giải nhưng đến nay vẫn không thay đổi. Việc anh chị ly hôn hay về tiếp tục chung sống với nhau gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, chị T giữ nguyên quan điểm như yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trong đơn và bản tự khai, anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị T có đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) với anh T. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh T là bị đơn trong vụ án có ĐKKHKT: T 14, phường L, quận K, thành phố Hải Phòng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị T có mặt tại phiên toà; bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b, Khoản 2, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, thành phố Hải Phòng ngày 01/10/2010. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. LỜI trình bày của chị T và anh T đều thể hiện trong cuộc sống của anh chị có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, gia đình hai bên cũng đã nhiều lần khuyên giải nhưng không có kết quả, hiện nay chị T và anh T đã sống ly thân mỗi người một nơi. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị T được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Chị Đỗ Thị T và Anh Bùi Văn T có 02 con chung là Chúng tôi có 02 con chung là Bùi Cẩm T, sinh ngày 01/01/2011 và Bùi Tú A, sinh ngày 01/3/2016. Tại bản tự khai cũng như tại Biên bản hoà giải ngày 17/3/2022 chị T đề nghị được nuôi cả hai con chung, anh T không đề nghị Toà án giải quyết về con chung, mặc dù tại phiên hoà giải ngày 17/3/2022 Thẩm phán chủ trì phiên hoà giải đã giải thích cho anh T về quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chưa thành niên tuy nhiên anh T vẫn giữ nguyên quan điểm không đề nghị Toà án giải quyết vấn đề con chung, xét thấy hiện nay cả hai cháu nhỏ đang ở cùng chị T và được chị T chăm sóc chu đáo, bản thân chị T hiện đang làm đang làm Điều dưỡng tại Bệnh viện Đa khoa Quận Ngô Quyền, chị có thu nhập ổn định, trong khi đó anh T không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo ổn định cuộc sống, tránh sự xáo trộn có thể ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển bình thường của các cháu nhỏ, Hội đồng xét xử quyết định giao cả 02 con chung là Bùi Cẩm T, sinh ngày 01/01/2011 và Bùi Tú A, sinh ngày 01/3/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Đây cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Bùi Cẩm T là mong muốn được ở với mẹ, vì kể từ khi bố mẹ cháu ly thân cháu vẫn ở với mẹ và được mẹ cháu chăm sóc chu đáo. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị T và Anh Bùi Văn T trình bày anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị T được ly hôn Anh Bùi Văn T.
2. Về con chung: Giao cả 02 con chung là Bùi Cẩm T, sinh ngày 01/01/2011 và Bùi Tú A, sinh ngày 01/3/2016 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, do chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị T và Anh Bùi Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 3613 ngày 17/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng. Chị Đỗ Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị T và Anh Bùi Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND xã Vĩnh Tiến, huyện V, HP
(ngày ĐKKH 01/10/2010);
- Đương sự;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Đăng Trình